HVAC

THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
EURA AUDIT INTERNATIONAL

EuraAuditInternational

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Của

Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Sài Gòn 5

ợc chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Sài Gòn

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/09/2016 đến 31/12/2016

Kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG

Trụ sở chính : P808, Tòa nhà CT5 - ĐN2, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam
*Tel: (84-4) 3787 1421 / 3787 1780 * Fax: (84-4) 3787 1422 * Hotline: 0914 375 380*
*E-mail: tuanqnhvac2012@gmail.com * Website: www.hvac.com.vn*

VP TP. Hồ Chí Minh: Số 196/3 Đường Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
*Tel: (84-8) 3948 3712 * Fax: (84-8) 3948 3713 * Hotline: 0989 436 688*

CNT45AA0QY L2698-60004

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/09/2016
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**639.437.758.024**	**543.691.165.644**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**21.664.211.468**	**23.117.244.925**
1. Tiền	111	V.01	21.664.211.468	23.117.244.925
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**257.072.113.672**	**247.772.823.968**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	230.975.265.333	220.151.717.033
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	2.668.351.723	5.458.408.615
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		138.665.470	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	23.289.831.146	22.162.698.320
IV. Hàng tồn kho	**140**		**360.039.941.401**	**267.983.963.835**
1. Hàng tồn kho	141	V.05	360.039.941.401	267.983.963.835
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**661.491.483**	**4.817.132.916**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	413.585.440	3.258.574.259
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.430.900	2.430.900
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	245.475.143	1.556.127.757
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**126.681.918.185**	**126.247.187.156**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**43.968.165.827**	**44.018.118.664**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	8.698.151.113	8.770.414.454
- Nguyên giá	*222*		*13.617.020.970*	*13.576.111.879*
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*223*		*(4.918.869.857)*	*(4.805.697.425)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	35.270.014.714	35.247.704.210
- Nguyên giá	*228*		*35.316.151.690*	*35.286.151.690*
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*229*		*(46.136.976)*	*(38.447.480)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**107.945.050**	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		107.945.050	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**807.190.000**	**807.190.000**
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		807.190.000	807.190.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**81.798.617.308**	**81.421.878.492**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	81.760.059.452	81.007.329.965
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		38.557.856	414.548.527
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**766.119.676.209**	**669.938.352.800**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/09/2016
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**373.328.101.242**	**290.906.243.600**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**280.954.548.949**	**197.518.759.018**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	117.317.827.859	4.528.020.835
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	3.855.785.632	41.454.852.613
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	20.369.646.549	19.304.943.955
4. Phải trả người lao động	314		2.648.385.704	2.544.076.806
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.554.933.621	123.576.451
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	132.885.247.419	128.363.846.698
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.343.536.748	895.691.166
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		979.185.417	303.750.494
II. Nợ dài hạn	**330**		**92.373.552.293**	**93.387.484.582**
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		28.405.938.788	28.708.378.107
7. Phải trả dài hạn khác	337		15.217.613.505	14.679.106.475
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	48.750.000.000	50.000.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**392.791.574.967**	**379.032.109.200**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.14**	**392.791.574.967**	**379.032.109.200**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		301.498.329.965	300.353.329.965
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		301.498.329.965	300.353.329.965
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(323.200.000)	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		48.617.593.888	48.617.593.888
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.998.851.114	30.061.185.347
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		30.061.185.347	30.061.185.347
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.937.665.767	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	**440**		**766.119.676.209**	**669.938.352.800**

Ngày 21 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Hoa	Trần Văn Lợi	Đặng Anh Tú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Kỳ kế toán từ ngày 01/09/2016 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/09/2016 đến 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/08/2016
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	59.591.194.967	67.685.845.957
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**59.591.194.967**	**67.685.845.957**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	38.573.389.302	44.158.148.962
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**21.017.805.665**	**23.527.696.995**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	4.402.466.495	1.997.300.668
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	510.214.917	4.614.726.208
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	*687.500.000*
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	2.767.340.690	3.268.055.636
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	5.270.788.311	11.222.411.549
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**16.871.928.242**	**6.419.804.270**
11. Thu nhập khác	31	VI.06	35.572.670	250.460.041
12. Chi phí khác	32		3.500.420	38.221.213
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**32.072.250**	**212.238.828**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**16.904.000.492**	**6.632.043.098**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	3.146.628.922	1.660.248.356
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(34.419.120)	(358.911.542)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**13.791.790.690**	**5.330.706.284**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Ngày ...21.... tháng ..03.... năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Hoa	Trần Văn Lợi	Đặng Anh Tú

M.S.D.N: 0301260770 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐỊA ỐC SÀI GÒN 5 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Kỳ kế toán từ ngày 01/09/2016 đến ngày 31/12/2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/09/2016 đến 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/08/2016
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		20.699.468.043	90.077.514.572
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(17.428.630.328)	(34.416.809.027)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.557.607.131)	(3.795.860.836)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(687.600.000)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(822.879.471)	(5.098.714.119)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.341.700.120	5.187.755.394
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.185.588.528)	(116.143.373.078)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doan	***20***		***46.462.705***	***(64.877.087.094)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(312.400.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		62.903.838	291.432.278
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(249.496.162)***	***291.432.278***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	72.500.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.250.000.000)	(22.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(1.250.000.000)***	***50.000.000.000***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**(1.453.033.457)**	**(14.585.654.816)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**23.117.244.925**	**37.702.899.741**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**V.01**	**21.664.211.468**	**23.117.244.925**

Ngày 21 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Hoa	Trần Văn Lợi	Đặng Anh Tú

M.S.D.N: 0301260770-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐỊA ỐC SÀI GÒN 5 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH